

Bản án số 104/2025/DS-PT

Ngày 16 – 5 – 2025

V/v “*Tranh chấp chia di sản thừa kế*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai

Các Thẩm phán: Ông Cao Văn Hiếu

Ông Nguyễn Ngọc Anh

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngô Khánh Loan - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Ông Lê Anh Pha - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16-5-2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý 214/2024/TLPT-DS ngày 27-11-2024 về việc “*Tranh chấp chia di sản thừa kế*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 94/2024/DS-ST ngày 30-9-2024 của Tòa án nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 85/2025/QĐ-PT ngày 20-02-2025; giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1958; địa chỉ: Tổ F, thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

* *Bị đơn:* Ông **Trần T**, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ F, thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Văn T1; sinh năm 1994; địa chỉ: B L, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; theo Giấy uỷ quyền lập ngày 06-5-2025 tại Văn phòng C1; có mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Thị H1, sinh năm 1957; địa chỉ: D A, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

2. Bà Trần Thị H2, sinh năm 1966; địa chỉ: Tổ A, Thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

3. Bà Trần Thị Thanh H3, sinh năm 1963; địa chỉ: Tổ I, Thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

4. Bà Trần Thị B, sinh năm 1974; địa chỉ: Tổ B, thôn T, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

5. Bà Trần Thị Y, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ C, thôn T, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

6. Bà Võ Thị L, sinh năm 1968; địa chỉ: Tổ F, thôn P, xã H, Huyện H, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

7. Anh Trần Văn T2, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ F, thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

8. Anh Trần Văn T3, sinh năm 1993; địa chỉ: Tổ F, thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

9. Chị Cao Ánh M, sinh năm 1993; địa chỉ: Tổ F, thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

10. Anh Trần Văn T4, sinh năm 1996; địa chỉ: Tổ F, thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

* Người kháng cáo: Bị đơn – ông Trần Thích .

* Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, tóm tắt như sau:

** Nguyên đơn - bà Trần Thị H trình bày tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án:*

Cha tôi là ông Trần Văn C (tên gọi khác H1), sinh năm 1927, chết năm 1992 (theo TLKT số 97/TLKT-BS ngày 05-11-2021 của UBND xã H); mẹ tôi là bà Đặng Thị L1, sinh năm 1930, chết năm 2013 (theo TLKT số 27/TLKT-BS ngày 05-11-2021 của UBND xã H). Cha mẹ tôi sinh được 07 (bảy) người con gồm:

- 1- Trần Thị H1, sinh năm 1957;
- 2- Trần Thị H, sinh năm 1958;
- 3- Trần Thị Thanh H3, sinh năm 1963;
- 4- Trần Thị H2, sinh năm 1966;
- 5- T, sinh năm 1972;
- 6- Trần Thị B, sinh năm 1974;
- 7- Trần Thị Y, sinh năm 1977.

Ngoài ra, cha mẹ tôi không có con nuôi, con riêng nào khác.

Nguyên trước đây cha mẹ tôi có tạo lập được khối tài sản nhà và đất tọa lạc tại thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng và được nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu đứng tên hộ Đặng Thị L1. Khi cha tôi chết, tất cả 07 chị em đã đồng ý và làm thủ tục nhượng toàn bộ phần di sản thừa kế được hưởng của mình trong thửa đất đứng tên hộ Đặng Thị L1 sang tên cá nhân mẹ là bà Đặng Thị L1 được toàn quyền sử dụng và định đoạt. Sau đó mẹ tôi đã làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 07 chị em trong nhà ai cũng biết nhưng không ý kiến gì. Cụ thể, ngày 02-12-2011, mẹ tôi bà Đặng Thị L1 được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 104939 tại thửa đất số 700, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng đứng tên cá nhân bà Đặng Thị L1 với diện tích 2180m²(trong đó, đất ở 1000m², đất trồng cây hàng năm khác 1180m²) và 01 ngôi nhà cấp 4 có diện tích xây dựng 120,7m².

Năm 2013, bà Đặng Thị L1 chết để lại di sản là thửa đất số 700, tờ bản đồ số 14 và tài sản gắn liền trên đất. Trên thửa đất bà L1 để lại có 01 ngôi nhà cấp 4, là ngôi nhà mà cả gia đình gồm cha mẹ và 07 chị em chúng tôi ở lúc nhỏ. Trước khi chết, bà L1 không để lại di chúc, cũng chưa tặng cho, chuyển nhượng cho ai, các chị em tôi cũng chưa làm thủ tục phân chia di sản thừa kế. Hiện nay di sản thừa kế của bà L1 để lại do em trai tôi là ông Trần T và vợ là bà Võ Thị L cùng cháu Trần Văn T3 (con của ông T và bà L) và vợ là Cao Ánh M (vợ của cháu Trần Văn T3) đang quản lý sử dụng. Ngoài ra, ông Trần T và bà Võ Thị L còn hai người con khác là cháu Trần Văn T2, Trần Văn T4 trước đây có ở trên thửa đất này, từ khi lập gia đình đã ở tại nơi khác.

Theo kết quả đo đạc của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cung cấp ngày 10-11-2022 đối với thửa đất số 700, tờ bản đồ số 14, diện tích 2180m², tọa lạc tại thôn P, xã H, huyện H, tp Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 104939 được UBND huyện H, tp Đà Nẵng cấp cho mẹ tôi là bà Đặng Thị L1 vào ngày 02-12-2011 thì hiện trạng thửa đất trên có diện tích là: 2579,7 m² (tăng lên 399,7m²). Vì vậy, ngày 20-02-2023, tôi có làm đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế theo kết quả đo đạc thực tế diện tích đất tăng thêm 399,7m². Tuy nhiên, ngày 04-5-2024, Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện H và UBND xã H, huyện H kiểm tra thực tế tại vị trí thửa đất số 700, tờ bản đồ 14 tại thôn P, xã H. Tại buổi làm việc, Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện H căn cứ vào kết quả đo đạc theo bản đồ VN2000 và hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 02-12-2011 đã xác định diện tích thực tế thửa đất trên là 2238.6m².

Ngày 14-5-2024, tôi có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu chia di sản thừa kế theo kết quả đo đạc thực tế diện tích đất 2238.6m².

Vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang chia di sản thừa kế của bà Đặng Thị L1 để lại là đất và tài sản gắn liền với đất số BI 104939, thửa số 700, tờ bản đồ số 14; tọa lạc tại thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng có

diện tích là 2238.6m² (trong đó đất ở 1000 m²; đất trồng cây hàng năm khác 1238.6 m²).

Quá trình khởi kiện, tôi yêu cầu được nhận kỷ phần thừa kế là quyền sử dụng đất. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay tôi thay đổi yêu cầu khởi kiện, đồng ý giao kỷ phần thừa kế là quyền sử dụng đất cho ông T quản lý, sử dụng và ông T thối trả giá trị bằng tiền cho tôi.

Đối với tài sản trên đất là nhà cấp 4, công trình xây dựng trên đất và cây cối trên đất tôi đồng ý giao cho ông T và không yêu cầu ông T thối trả lại giá trị.

Về kết quả đo đạc diện tích đất tranh chấp và thẩm định giá tài sản tranh chấp tôi thống nhất, không có ý kiến gì.

Đối với chi phí tố tụng gồm chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc 6.412.000 đồng, chi phí thẩm định giá tài sản 58.000.000 đồng, tổng cộng 64.412.000 đồng mà tôi đã tạm ứng trước, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Bị đơn ông Trần T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thanh H3, bà Trần Thị B, bà Trần Thị Y, bà Võ Thị L, anh Trần Văn T2, anh Trần Văn T3, chị Cao Ánh M, anh Trần Văn T4 vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên tại đơn trả lời thông báo về yêu cầu tổ chức thẩm định giá tài sản ghi ngày 25-3-2022, các đương sự nêu trên cùng trình bày:*

Căn cứ Theo thông báo số 08 /TB-TA ngày 15-3-2022 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng về việc yêu cầu tổ chức thẩm định tài sản thì chúng tôi không đồng ý việc định giá tài sản nêu trong thông báo với lý do đất và tài sản gắn liền trên đất là để thờ cúng ông bà, nơi kỷ niệm của gia đình. Việc bà Trần Thị H khởi kiện ông Trần T là thiếu cơ sở, lý do là đất và tài sản gắn liền với đất số 700, tờ bản đồ số 14, tại thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng đứng tên bà Đặng Thị L1. Xét trên phương diện tình cảm gia đình thì đây là hành động thiếu văn hóa, đạo đức, truyền thống tốt đẹp của gia đình. Nơi đây chúng tôi sinh ra lớn lên và đang thờ cúng ông bà tổ tiên họ Trần, là cội nguồn gốc rễ của gia đình chúng tôi, là nơi ghi lại những kỷ niệm, nguồn gốc để con cháu nội ngoại của chúng tôi biết đến, lui tới và hương quả cho ông bà tổ tiên, nhớ đến những giá trị văn hóa của gia đình. Việc bà Trần Thị H khởi kiện ông Trần Thích N năm liền gây ảnh hưởng đến sự đoàn kết của gia đình, gây tổn hại đến kinh tế gia đình chúng tôi. Việc bà Trần Thị H cho rằng tài sản đang bị tranh chấp là theo ý kiến chủ quan của cá nhân bà H vì đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 700, tờ bản đồ số 14, tại thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng đứng tên bà Đặng Thị L1. Xét thấy, bà H hiện nay không bức xúc về chỗ ở có thu nhập ổn định. Vì vậy, chúng tôi đề nghị:

1. Dừng việc thẩm định tài sản đảm bảo quyền lợi của gia đình chúng tôi, để ông bà tổ tiên của họ Trần được yên bề thờ cúng.

2. Kiểm tra lại tính pháp lý về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Trần Thị H theo đúng quy định.

Ngoài ý kiến trình bày nêu trên, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhiều lần cho bị đơn ông Trần T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thanh H3, bà Trần Thị B, bà Trần Thị Y, bà Võ Thị L, anh Trần Văn T2, anh Trần Văn T3, chị Cao Ánh M, anh Trần Văn T4 để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Bà Trần Thị H1, bà Trần Thị H2 quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa trình bày:*

Cha của chúng tôi tên là ông Trần Văn C (H1), sinh năm 1927, chết năm 1992; mẹ chúng tôi tên là Đặng Thị L1, sinh năm 1930, chết năm 2013. Cha, mẹ của chúng tôi sinh được 07 người con có tên lần lượt là: Trần Thị H1, Trần Thị H, Trần Thị Thanh H3, Trần Thị H2, Trần Thị B và Trần Thị Y.

Ngoài ra, cha mẹ chúng tôi không có con nuôi, con riêng nào khác.

Trước đây mẹ chúng tôi được nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu đứng tên hộ Đặng Thị L1. Khi cha chúng tôi chết, tất cả 07 chị em đã đồng ý và làm thủ tục nhượng toàn bộ phần di sản thừa kế được hưởng của mình trong thửa đất đứng tên hộ Đặng Thị L1 sang tên cá nhân mẹ là bà Đặng Thị L1 được toàn quyền sử dụng và định đoạt. Sau đó mẹ chúng tôi đã làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 07 chị em trong nhà ai cũng biết nhưng không ý kiến gì. Cụ thể, ngày 02-12-2011, mẹ chúng tôi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BI 104939, thửa số 700, tờ bản đồ số 14 mang tên bà Đặng Thị L1, tọa lạc: Thôn P, xã H, huyện H, thành Phố Đà Nẵng.

Năm 2013, mẹ chúng tôi là bà Đặng Thị L1 chết để lại di sản là thửa đất số 700, tờ bản đồ số 14 và tài sản gắn liền trên đất. Trên thửa đất có 01 ngôi nhà cấp 4, là ngôi nhà mà cả gia đình gồm cha mẹ và 07 chị em chúng tôi ở lúc nhỏ. Trước khi chết, bà L1 không để lại di chúc, cũng chưa tặng cho, chuyển nhượng cho ai, các chị em cũng chưa làm thủ tục phân chia di sản thừa kế. Hiện di sản thừa kế của bà L1 để lại do em trai là ông Trần T và vợ là bà Võ Thị L cùng cháu Trần Văn T3 (*con của ông T và bà L*) và vợ là Cao Ánh M (*vợ của cháu Trần Văn T3*) đang quản lý và sử dụng. Ngoài ra, ông Trần T và bà Võ Thị L còn hai người con khác là cháu Trần Văn T2, Trần Văn T4 trước đây có ở trên thửa đất này, từ khi lập gia đình đã ở tại nơi khác.

Vì vậy, chúng tôi yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang chia di sản thừa kế của bà Đặng Thị L1 để lại là đất và tài sản gắn liền với đất số BI 104939, thửa số 700, tờ bản đồ số 14; tọa lạc tại thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng.

Quá trình giải quyết vụ án, chúng tôi yêu cầu được nhận kỹ phần thừa kế là quyền sử dụng đất. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay chúng tôi thay đổi yêu cầu

đồng ý giao kỹ phần thừa kế là quyền sử dụng đất cho ông T quản lý sử dụng và ông T thời trả giá trị bằng tiền cho chúng tôi.

Đối với tài sản trên đất là nhà cấp 4, công trình xây dựng trên đất và cây cối trên đất chúng tôi đồng ý giao cho ông T quản lý, sử dụng và không yêu cầu ông T thời trả lại giá trị.

Về kết quả đo đạc diện tích đất tranh chấp và định giá tài sản tranh chấp chúng tôi thống nhất, không có ý kiến gì.

*** Bản án dân sự sơ thẩm số 94/2024/DS-ST ngày 30-9-2024 của Tòa án nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:**

Căn cứ: Điều 613, Điều 623, Điều 651, Điều 660 Bộ luật Dân sự; Khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 161, Điều 165, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H về việc chia di sản thừa kế theo pháp luật của bà Đặng Thị L1.

1. Giao cho ông Trần T được quyền sở hữu ngôi nhà cấp 4 kết cấu tường xây gạch, mái lợp tôn, nền xi men, diện tích xây dựng 110,10m² có giá trị 108.746.500 đồng + mái tôn phía trước có giá trị 40.320.000 đồng + mái tôn phía sau có giá trị 13.322.400 đồng + chuồng heo có giá trị 5.105.100 đồng + cây trồng trên đất có giá trị 42.200.000 đồng; đồng thời ông T được quyền sử dụng diện tích đất theo nhà là 2238.6m² (trong đó đất ở 1000 m² có giá trị là 6,878,517,000 đồng; đất trồng cây hàng năm khác 1238.6 m² có giá trị là 6,235,285,804 đồng). Tổng cộng giá trị ông Trần T được giao là 13,323,304,695 đồng. Vị trí thửa đất có tứ cận:

- Hướng Đông giáp nhà đất của bà Trần Thị H và đường kiệt bê tông;
- Hướng Tây giáp nhà đất bà H2 - ông V và đường bê tông;
- Hướng Nam giáp đường nhựa ĐH8;
- Hướng Bắc giáp đất do UBND xã H quản lý.

(Có sơ đồ kèm theo)

2. Ông Trần T có nghĩa vụ thời trả cho các đồng thừa kế cụ thể như sau:

- + Thời trả cho bà Trần Thị H số tiền 1,873,336,885 đồng;
- + Thời trả cho bà Trần Thị H1 số tiền 1,873,336,885 đồng;
- + Thời trả cho bà Trần Thị Thanh H3 số tiền 1,873,336,885 đồng;
- + Thời trả cho bà Trần Thị H2 số tiền 1,873,336,885 đồng;
- + Thời trả cho bà Trần Thị B số tiền 1,873,336,885 đồng;
- + Thời trả cho bà Trần Thị Y số tiền 1,873,336,885 đồng;

* Ông Trần T được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để xác lập quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật. Trường

hợp nhà nước có quyết định thu hồi, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thì ông T có quyền liên hệ để thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch ông Trần Thích P chịu là: 73,665,667 đồng;

+ Án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch bà Trần Thị Thanh H3, bà Trần Thị H2, bà Trần Thị B, bà Trần Thị Y mỗi người phải chịu là: 68,200,106 đồng.

+ Bà Trần Thị H, bà Trần Thị H1 là người cao tuổi (*trên 60 tuổi*) và hai bà có đơn xin miễn án phí nên bà H, bà H1 được miễn toàn bộ án phí theo quy định.

4. Về chi phí tố tụng gồm:

Chi phí thẩm định giá tài sản là 58,000,000 đồng; chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí đo đạc là 6,412,000 đồng. Tổng cộng 64,412,000 đồng. Số tiền này, bà H đã nộp tạm ứng trước (đã chi xong).

Các đồng thừa kế bà Trần Thị H1, bà Trần Thị Thanh H3, bà Trần Thị H2, ông Trần T, bà Trần Thị B, bà Trần Thị Y mỗi người phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Trần Thị H số tiền 9,201,714 đồng.

5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền trên cho đến khi thi hành án xong thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

** Kháng cáo, kháng nghị:*

Ngày 17-10-2024, ông Trần T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nói trên và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ vụ án theo quy định pháp luật.

Ngày 15-10-2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐ-VKS-DS đối với bản án sơ thẩm nói trên và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và vi phạm về nội dung.

** Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận Quyết định kháng nghị số 02/QĐ-VKS-DS ngày 15-10-2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang và kháng cáo của bị đơn

ông Trần Thích D có căn cứ; đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự để hủy Bản án sơ thẩm số 94/2024/DS-ST ngày 30-9-2024 và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Trần Văn T3, chị Cao Ánh M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng đến lần thứ hai vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự này theo quy định tại Khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Theo đơn kháng cáo ban đầu, ông Trần T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm vì cho rằng bà Trần Thị H khởi kiện là thiếu đạo đức và Tòa án cấp sơ thẩm xử gấp rút, các văn bản tố tụng gửi không đúng quy định; không nêu yêu cầu cụ thể đối với Tòa án cấp phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần T bổ sung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 94/2024/DS-ST ngày 30-9-2024 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong việc xem xét, thẩm định tại chỗ nhưng chưa ghi nhận hiện trạng đầy đủ, sử dụng kết quả thẩm định giá tài sản để xét xử trong khi thửa đất đã áp giá giải tỏa đền bù là không đúng, xét xử vượt quá phạm vi khởi kiện. Hội đồng xét xử xét yêu cầu bổ sung này là phù hợp với Điều 298 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Trần T và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng:

[2.1] Về thủ tục tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm:

Cả gia đình ông Trần T, vợ là bà Võ Thị L, cùng các con là anh Trần Văn T2, anh Trần Văn T3, chị Cao Ánh M, anh Trần Văn T4 sống tại địa chỉ tổ F, thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Về nguyên tắc, Tòa án cấp sơ thẩm phải cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng trực tiếp cho các đương sự này theo khoản 2 Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự. Trường hợp đương sự vắng mặt thì Tòa án cấp sơ thẩm phải lập biên bản và giao cho người thân thích có đủ năng lực hành vi dân sự cùng nơi cư trú với họ hoặc tổ trưởng tổ dân phố, trưởng thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc để thực hiện việc ký nhận hoặc điểm chỉ và yêu cầu người này cam kết giao lại tận tay ngay cho người được cấp, tổng đạt, thông báo theo quy định tại khoản 5 Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại hồ sơ vụ án thể hiện Tòa án cấp sơ thẩm đã cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Trần T, bà Võ Thị L, anh Trần Văn T2, anh Trần Văn T3, chị Cao

Anh M, anh Trần Văn T4 thông qua Trưởng thôn nhưng chưa lập biên bản về việc các đương sự này vắng mặt tại địa phương.

Đồng thời, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang cung cấp kết quả xác minh ngày 15-10-2024 tại nhà ông Phan Công K là Trưởng thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng với nội dung: Trong khoảng thời gian từ ngày 12-7-2024 đến ngày 30-9-2024 thì có khoảng một đến hai lần Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang gửi cho ông K một xấp văn bản của Tòa án để chuyển cho gia đình ông Trần Thích. Sau khi nhận các văn bản nêu trên thì ông K có ký nhận và không kiểm tra những văn bản này nội dung là gì. Sau đó ông K có mang những văn bản này qua nhà ông T, có lần gặp ông T thì ông đưa trực tiếp, còn có lần không có ai thì ông để trên bàn, những lần giao cho gia đình ông Trần T thì không có lập biên bản bàn giao gì cả.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng theo các Điều 173, 175, 177 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án thì thấy, tại Sơ đồ vị trí thửa đất do Trung tâm K lập ngày 10-11-2022 thì trên thửa đất số 700, tờ bản đồ số 14 tại thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng có tồn tại 02 phần xây dựng riêng biệt với diện tích 110,1m² và 133,2m² nhưng Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 19-8-2022 tài sản trên đất chỉ có 01 ngôi nhà cấp 4, tường xây gạch trát vữa và cũng chỉ trưng cầu thẩm định giá 01 phần xây dựng này với diện tích 110,1m² là thiếu sót nghiêm trọng.

[2.2] Về nội dung giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm:

Ông Trần Văn C và bà Đặng Thị L1 sinh được 07 người con gồm các ông bà: Trần Thị H1, Trần Thị H, Trần Thị Thanh H3, Trần Thị H2, Trần T, Trần Thị B, Trần Thị Y.

Ông Trần Văn C và bà Đặng Thị L1 có tạo lập được khối tài sản đối là thửa đất số 700, tờ bản đồ số 14, diện tích 2180m² (đất ở 1000m², đất trồng cây hàng năm khác 1180m²) và 01 ngôi nhà cấp 4 có diện tích xây dựng 120,7m² tọa lạc tại thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; được nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu đứng tên hộ Đặng Thị L1. Sau khi ông C chết (vào năm 1992) thì tất cả 07 người con đã làm thủ tục sang tên thửa đất cho cá nhân bà Đặng Thị L1 và được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 104939 ngày 02-12-2011.

Năm 2013, bà Đặng Thị L1 chết, không để lại di chúc, di sản thừa kế của bà L1 để lại là toàn bộ thửa đất số 700 nói trên và tài sản trên đất do gia đình người con trai là ông Trần T quản lý, sử dụng. Do vậy, bà Trần Thị H đã khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế theo kết quả đo đạc thực tế diện tích đất 2238.6m²; đồng ý giao kỷ phần thừa kế là quyền sử dụng đất cho ông Trần T quản lý, sử dụng và yêu cầu ông T bồi trả giá trị bằng tiền cho bà H. Đối với tài sản trên đất bà H đồng ý giao cho ông T và không yêu cầu ông T bồi trả lại giá trị.

Toà án cấp sơ thẩm đã xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H về việc chia di sản thừa kế theo pháp luật của bà Đặng Thị L1; giao cho ông Trần T được quyền sở hữu, quyền sử dụng toàn bộ nhà đất diện tích là 2238.6m² có giá trị là 13,323,304,695 đồng và ông Trần T có nghĩa vụ bồi trả cho các đồng thừa kế là bà Trần Thị H, bà Trần Thị H1, bà Trần Thị Thanh H3, bà Trần Thị H2, bà Trần Thị B, bà Trần Thị Y mỗi người số tiền là 1,873,336,885 đồng.

[2.3] Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Tại Công văn số 1971/TNMT ngày 19-9-2024, Phòng Tài nguyên và Môi trường - Ủy ban nhân dân huyện H cung cấp thông tin Ủy ban nhân dân huyện H đã ra Quyết định số 2548/QĐ-UBND ngày 02-7-2021 về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 Khu tái định cư H 2 phục vụ giải tỏa dự án tuyến đường Vành đai phía Tây và Thửa đất số 700, tờ bản đồ số 14, diện tích 2.180m² do UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Đặng Thị L1 đã có Thông báo thu hồi đất số 4077/TB-UBND ngày 27-10-2023 của UBND huyện H để thực hiện dự án Khu tái định cư H phục vụ giải tỏa dự án tuyến đường Vành đai phía Tây, hiện chưa có Quyết định thu hồi đất.

Ngoài ra, kết quả xác minh ngày 10-10-2024 tại Ban giải phóng mặt bằng huyện H được biết thửa đất số 700, tờ bản đồ số 14 tại thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng đứng tên bà Đặng Thị L1 đã được Ban giải phóng mặt bằng huyện H lập hồ sơ kiểm đếm, hiện nay các phòng ban liên quan đang củng cố hồ sơ pháp lý để tính toán giá trị bồi thường hỗ trợ và tái định cư (nếu có) theo quy định.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử căn cứ vào kết quả thẩm định giá tài sản của tổ chức thẩm định giá theo giá thị trường để phân chia di sản của bà Đặng Thị L1 là Thửa đất số 700 nói trên trong khi Thửa đất đã có Thông báo thu hồi đất và đang trong quá trình lập hồ sơ kiểm đếm, củng cố hồ sơ pháp lý để tính toán giá trị bồi thường hỗ trợ, tái định cư là không đúng quy định của Luật Đất đai. Trong trường hợp này, Tòa án cấp sơ thẩm có thể phân chia kỹ phần thừa kế theo tỷ lệ để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của những người thừa kế và đảm bảo công tác thi hành án sau giải tỏa đền bù.

[2.4] Căn cứ tình trạng sử dụng thửa đất số 700, tờ bản đồ số 14 tại thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng hiện tại thì thấy gia đình ông Trần T đang quản lý di sản thừa kế nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa đánh giá, xem xét công sức của ông T ở mức độ như thế nào để giải quyết quyền lợi cho ông T. Ngoài ra, trên thửa đất số 700 này còn có sự tồn tại ngôi nhà hai tầng của vợ chồng người con trai của ông Trần T là anh Trần Văn T3, chị Cao Ánh M nhưng Tòa án cấp sơ thẩm cũng chưa đề cập giải quyết.

[3] Từ những phân tích, đánh giá như trên thì thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã có những vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng và nội dung giải quyết vụ án mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được.

Như vậy, nội dung kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ, được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận; cần huỷ bản án sơ

thẩm để giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung, nhằm đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm ông Trần Thích K1 phải chịu do được chấp nhận yêu cầu kháng cáo.

[5] Đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp các tình tiết khách quan của vụ án và quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 148, 173, 175, 177, 293, 298, Khoản 3 Điều 308, các Điều 310, 313 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Trần T;

Chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐ-VKS-DS ngày 15-10-2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng;

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 94/2024/DS-ST ngày 30-9-2024 của Tòa án nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng;

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Thích K1 phải chịu. Hoàn trả lại cho ông Trần T số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0002409 ngày 22-10-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Thành phố Đà Nẵng;
- TAND H.Hoà Vang, TPĐN;
- Chi cục THADS H.Hoà Vang, TPĐN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Mai

